

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



HOÀNG VĂN NHÀN

**PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT TẬP TRUNG KINH TẾ
TRÊN THỊ TRƯỜNG BÁN LẺ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

Chuyên Ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 838 01 07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2021

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Lê Thị Hải Ngọc**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài.....	2
3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu.....	2
4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu.....	3
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	3
6. Ý nghĩa khoa học của luận văn.....	4
7. Kết cấu của luận văn.....	4
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT TẬP TRUNG KINH TẾ TRÊN THỊ TRƯỜNG BÁN LẺ	5
1.1. Khái quát về kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ.....	5
1.1.1. Khái niệm kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ và pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ.....	5
1.1.2. Đặc điểm của kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ.....	5
1.2. Các yếu tố tác động đến hoạt động kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ.....	6
1.2.1. Yếu tố xã hội, kinh tế.....	6
1.2.2. Yếu tố pháp luật.....	7
1.2.3. Yếu tố tổ chức bộ máy cơ quan quản lý.....	7
1.2.4. Yếu tố ý thức pháp luật.....	8
1.3. Pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ.....	8
1.3.1 Sự cần thiết điều chỉnh bằng pháp luật đối với hoạt động kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ.....	8
1.3.2. Nguyên tắc của điều chỉnh pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ.....	9
1.3.3. Nội dung pháp luật điều chỉnh kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ ở Việt Nam.....	11
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT TẬP TRUNG KINH TẾ TRÊN THỊ TRƯỜNG BÁN LẺ VIỆT NAM	14
2.1. Pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ ở Việt Nam.....	14
2.1.1. Thực trạng quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan thực thi pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ Việt Nam.....	14
2.1.2. Thực trạng quy định về công tác điều tra và xử lý vụ việc vi phạm trong kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ.....	14

2.1.3. Một số hạn chế, bất cập trong việc áp dụng kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ..... 15

Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT TẬP TRUNG KINH TẾ TRÊN THỊ TRƯỜNG BÁN LẺ..... 18

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ 18

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ 18

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật 18

3.2.2. Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ ở Việt Nam 21

Kết luận chương 3..... 23

KẾT LUẬN..... 24

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của nghiên cứu đề tài

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, với sự phát triển của công nghệ kỹ thuật số và của “thế giới phẳng” đã làm thay đổi cục diện và bản chất của cạnh tranh và độc quyền¹. Cấu trúc và quan hệ thị trường chỉ tồn tại 2 thị trường: cạnh tranh và không cạnh tranh. Do đó, tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ sẽ hình thành nên các tập đoàn kinh tế lớn mạnh, gây hạn chế cạnh tranh, ảnh hưởng tới đời sống của người dân cũng như toàn bộ nền kinh tế. Tiềm năng của thị trường bán lẻ Việt Nam đã thu hút sự chú ý của nhiều nhà đầu tư cũng như bán lẻ trong khu vực.

Trong thời gian qua, Nhà nước ban hành các văn bản pháp luật có điều chỉnh về kiểm soát hoạt động tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ, như Luật cạnh tranh năm 2004, hiện nay được thay thế bằng Luật cạnh tranh năm 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành...Nếu xét theo nhóm ngành nghề kinh doanh, thì hoạt động tập trung kinh tế trong thời gian qua tập trung chủ yếu trong một số ngành nghề như công nghiệp chế biến thực phẩm, kinh doanh bất động sản, thông tin truyền thông, trong đó, lĩnh vực bán lẻ có 05 vụ việc thông báo tập trung kinh tế và 01 vụ việc tham vấn².

Việc kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ không chỉ các doanh nghiệp nước ngoài, ngay cả các công ty Việt Nam cũng coi M&A là hình thức nhanh chóng để mở rộng thị phần, tận dụng hệ thống phân phối sẵn có. trong M&A ở Việt Nam là doanh nghiệp nội cũng đã bắt đầu thực hiện chiến lược thôn tính doanh nghiệp ngoại để hình thành thương hiệu lớn mang tầm cỡ quốc tế. Việc VinFast mua GM ở Việt Nam là ví dụ điển hình. Tổng giá trị thương vụ M&A từ 2009 đến tháng 6/2018 đạt 48,8 tỷ USD với hơn 4.000 giao dịch, trong đó riêng năm 2017, giá trị M&A đã đạt mốc kỷ lục 10,2 tỷ USD. Xuất phát từ nguyên nhân thể chế quan trọng là việc Việt Nam ký kết các FTA mới dẫn đến các dịch vụ tăng lên, khi đó nhà đầu tư sẽ nhảy vào dịch vụ nhiều hơn, thông qua hình thức M&A³.

Một số quy định pháp luật còn quy định chưa cụ thể, thiếu đồng bộ; việc thực thi hiệu quả chưa cao; do đó, việc tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện chính sách và pháp luật về pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ ở Việt Nam hiện nay có tính thời sự cao. Do đó, học viên lựa chọn đề tài

¹ Lê Thị Bích Thọ, Đề tài nghiên cứu cấp Bộ (2018), *Báo cáo tổng thuật đề tài Tiếp tục hoàn thiện xây dựng khung thể chế quản lý nhà nước về thực thi Luật cạnh tranh*, Bộ Công thương, Hà Nội, tr.22;

² Bộ Công thương (2018), *Thực hiện chính sách về quản lý thị trường cạnh tranh hiện nay*, Báo cáo thực hiện kinh tế vĩ mô trình Quốc hội, Hà Nội, tr.1-3

³ Đại học Kinh tế tp. HCM (2019), *Nghiên cứu về kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ ở Việt Nam*, tp.HCM, tr.57

"Pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ ở Việt Nam hiện nay" để làm đề tài nghiên cứu luận văn thạc sĩ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong thời gian vừa qua, lĩnh vực kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ theo pháp luật Việt Nam, qua thực tiễn các tổ chức, cá nhân được rất nhiều người quan tâm nghiên cứu. Đã có một số công trình nghiên cứu với những cách tiếp cận khác nhau, ở phạm vi lớn trên quy mô cả nước cho đến những phạm vi nhỏ hơn như địa bàn tỉnh. Có một số đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ và nhiều luận văn Tiến sĩ, Thạc sĩ với chủ đề liên quan, tiêu biểu có thể kể một số nghiên cứu sau:

Những luận văn, luận án và công trình nghiên cứu trên đã tiếp tục nêu lên tầm quan trọng của việc nghiên cứu và hoàn thiện các quy định về pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ và các kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ. Vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ nói chung và các kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ nói riêng trong việc áp dụng thực tiễn vẫn thực sự cần thiết. Việc nghiên cứu sẽ chỉ ra những mặt tích cực, mặt hạn chế khi áp dụng kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ vào thực tế, vừa đề ra được những giải pháp hoàn thiện pháp luật về các kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ góp phần bảo vệ tốt hơn quyền lợi NTD, cũng như mục đích, ý nghĩa của việc kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu đề tài

Luận văn làm rõ những vấn đề lý luận về kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ Việt Nam và các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ;

Qua đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật, đề tài rút ra những hạn chế, bất cập và trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật cũng như nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ tại Việt Nam góp phần tạo đảm bảo phát triển kinh tế bền vững tại Việt Nam.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

Để đạt được mục đích nghiên cứu của đề tài đặt ra, tác giả thực hiện những nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, nêu và phân tích các khái niệm cơ bản của kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ.

Thứ hai, phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn của quy định pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ theo pháp luật Việt Nam hiện nay.

Thứ ba, đánh giá thực trạng pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ ở Việt Nam và hệ thống pháp luật có liên quan ở Việt Nam hiện nay.

Thứ tư, phân tích thực tiễn áp dụng pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ hiện nay từ đó chỉ ra những bất cập, hạn chế trong các quy định của pháp luật.

Thứ năm, đưa ra các giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện về kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ hiện nay.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu của luận văn

Luận văn đi sâu nghiên cứu các quan điểm, các quy định của pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ, các quy định pháp luật có liên quan và thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật.

4.2. Phạm vi nghiên cứu của luận văn

- *Phạm vi nghiên cứu về nội dung*: Những vấn đề lý luận và quy định của pháp luật hiện hành về kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ qua quy định của Luật Thương Mại năm 2005 (hợp nhất văn bản năm 2017); Luật Cạnh tranh năm 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.

- *Phạm vi nghiên cứu về không gian*: Nghiên cứu thực tiễn tại Việt Nam

- *Phạm vi nghiên cứu về thời gian*: từ năm 2015 đến nay.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu.

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ của đề tài đặt ra, trong quá trình nghiên cứu luận văn sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác – Lênin, đồng thời bám sát các quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về pháp luật về chính sách về kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ .

5.2. Phương pháp nghiên cứu cụ thể

Tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu chính sau: Phương pháp hệ thống, phương pháp lịch sử, phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp logic, phương pháp so sánh, đối chiếu. Các phương pháp này được sử dụng phối hợp trong từng chương của đề tài để làm sáng tỏ nội dung nghiên cứu. Cụ thể:

+ *Phương pháp hệ thống, phương pháp lịch sử, phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp logic* được sử dụng ở Chương 1 để tổng hợp, phân tích các nội dung nghiên cứu về cơ sở lý luận về kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ ở Việt Nam.

+ *Phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp thống kê, phương pháp so sánh, đối chiếu* được sử dụng ở Chương 2 để phân tích, thống kê, đánh giá các số liệu, các vụ việc cụ thể nhằm làm rõ thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ ở Việt Nam.

+ *Phương pháp quy nạp, phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp* được sử dụng trong Chương 3 khi trình bày các định hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ ở Việt Nam.

6. Ý nghĩa khoa học của luận văn

6.1. Ý nghĩa về mặt lý luận

Kết quả nghiên cứu của đề tài Luận văn góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận về kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ theo pháp luật Việt Nam, qua thực tiễn áp dụng trong điều kiện hiện nay.

Các giải pháp và kiến nghị của đề tài luận văn trực tiếp góp phần hoàn thiện kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ theo pháp luật Việt Nam, qua thực tiễn áp dụng trong điều kiện hiện nay.

6.2. Ý nghĩa về mặt thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của đề tài luận văn cũng có ý nghĩa tham khảo đối với các cơ quan quản lý hành chính nhà nước về công thương các tỉnh, thành phố khác, cơ sở nghiên cứu, tổ chức, cá nhân thực hiện quy định về kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ.

7. Kết cấu của luận văn.

Ngoài các phần: Mục lục, danh mục các từ viết tắt, lời nói đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo luận văn được chia làm ba chương như sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ.

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ Việt Nam.

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ ở Việt Nam hiện nay.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT TẬP TRUNG KINH TẾ TRÊN THỊ TRƯỜNG BÁN LẺ

1.1. Khái quát về kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ

1.1.1. Khái niệm kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ và pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ

Việc tiến hành kiểm soát TTKT thị trường bán lẻ để đảm bảo việc TTKT được các doanh nghiệp bán lẻ thực hiện dựa trên những nguyên tắc căn bản mà pháp luật đã thừa nhận, đó là quyền tự do kinh doanh mà Hiến pháp và các văn bản pháp luật thừa nhận đã tạo ra chủ quyền cho doanh nghiệp bán lẻ trước nhà nước và pháp luật. Chủ quyền của doanh nghiệp bán lẻ được thể hiện cơ bản ở hai nội dung: (i) Doanh nghiệp bán lẻ có quyền định đoạt các vấn đề phát sinh trong nội bộ như quy mô kinh doanh, ngành nghề, kế hoạch và phương hướng kinh doanh, lao động...; (ii) Doanh nghiệp bán lẻ có quyền tự do liên kết trong kinh doanh, theo đó, quyền tự do khế ước bao gồm sự tự chủ trong việc liên kết đầu tư để mua doanh nghiệp khác hoặc liên minh góp vốn thành lập các chủ thể kinh doanh mới. Do đó, pháp luật về doanh nghiệp kiểm soát thị trường bán lẻ của tất cả các quốc gia đều đã trao cho doanh nhân (trong đó có các doanh nghiệp) quyền được thay đổi quy mô theo nhu cầu kinh doanh. Trên cơ sở đó, các biện pháp tổ chức lại như sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức kinh doanh... được ghi nhận như là các biện pháp căn bản để doanh nhân chủ động thích ứng với các biến động thị trường, phù hợp với năng lực kinh doanh của mình. Qua đây, *kiểm soát tập trung kinh tế thị trường bán lẻ là hành vi pháp lý của chủ thể có thẩm quyền thực hiện chính sách kiểm soát TTKT đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh/độc quyền và kiểm soát TTKT nhằm có tác động tiền kiểm, nhằm ngăn chặn các vụ việc TTKT có khả năng làm phương hại tới cạnh tranh, giúp doanh nghiệp bán lẻ cạnh tranh lành mạnh trên thị trường Việt Nam.*

Từ khái niệm kiểm soát tập trung kinh tế thị trường bán lẻ, chúng ta có thể quan niệm về khái niệm pháp luật *kiểm soát tập trung kinh tế thị trường bán lẻ là tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh hành vi pháp lý của chủ thể có thẩm quyền thực hiện chính sách kiểm soát TTKT đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh/độc quyền và kiểm soát TTKT đảm bảo cho các chủ thể thực hiện hành vi cạnh tranh trên cơ sở công bằng, hợp pháp.*

1.1.2. Đặc điểm của kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ

Thứ nhất, chủ thể của kiểm soát tập trung kinh tế theo quy định của pháp luật về chống hạn chế cạnh tranh là các cơ quan quản lý là Bộ Công thương, theo đó, Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng là tổ chức thuộc Bộ Công Thương có chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng thực hiện quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; tổ chức, quản lý hoạt động sự nghiệp dịch vụ công thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý của Cục theo quy định của pháp luật và phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng. Còn chủ thể bị quản lý kiểm soát TTKT trên thị trường bán lẻ là các doanh nghiệp hoạt động trên thị trường.

Thứ hai, về mục đích của kiểm soát tập trung kinh tế tạo ra lợi thế cạnh tranh hạn chế hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền bị cấm.

Thứ ba, về giá trị tài sản sau khi thực hiện việc kiểm soát TTKT của doanh nghiệp thì giá trị tài sản của doanh nghiệp sau khi tập trung kinh tế phải đạt đến một mức độ nhất định thì chúng mới bị coi là đối tượng xem xét của cơ quan quản lý cạnh tranh.

Thứ tư, việc kiểm soát TTKT trên thị trường bán lẻ một trong những mục tiêu quan trọng của kiểm soát TTKT là kiểm soát và điều chỉnh hoạt động TTKT thị trường bán lẻ cho phù hợp với chính sách cạnh tranh cũng như các chính sách kinh tế - xã hội khác của Nhà nước. Vấn đề quan trọng trong việc đánh giá tiền kiểm vụ TTKT thị trường bán lẻ là xem xét về những tác động kinh tế của vụ TTKT thị trường bán lẻ đó, đảm bảo rằng không đem lại nguy cơ hạn chế cạnh tranh lâu dài hoặc vĩnh viễn, đồng thời mang lại những lợi ích khác như khả năng đem lại lợi thế trong cạnh tranh quốc tế.

Thứ năm, việc kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ hướng tới.

Với tư cách là quá trình tái cơ cấu lại doanh nghiệp hoặc cấu trúc đầu tư, hoạt động TTKT trên thị trường bán lẻ còn chịu sự điều chỉnh của các quy định pháp luật liên quan như pháp luật về doanh nghiệp, đầu tư, chứng khoán, sở hữu trí tuệ... Do đó, việc kiểm soát đối với vụ TTKT trên thị trường bán lẻ có bản chất là sự rà soát, đánh giá trong mối tương quan giữa các quy định của Luật Cạnh tranh năm 2018 với những quy định pháp luật khác.

1.2. Các yếu tố tác động đến hoạt động kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ

1.2.1. Yếu tố xã hội, kinh tế

Tiềm năng của thị trường bán lẻ Việt Nam đã thu hút sự chú ý của nhiều nhà đầu tư cũng như bán lẻ trong khu vực. Đô thị hóa là một trong những yếu tố

chính thúc đẩy mức tăng trưởng GDP của Việt Nam. Dân số đô thị Việt Nam dự kiến sẽ tăng 2,6% CAGR cho đến năm 2030, cao nhất ở Đông Nam Á. Tỷ lệ đô thị hóa của Việt Nam vẫn ở mức 36% tổng dân số năm 2018, so với 55% và 60% ở Indonesia và Trung Quốc. Khi có nhiều người di chuyển vào các thành phố và đảm nhận các công việc sản xuất và dịch vụ có giá trị cao hơn, thu nhập của người cũng sẽ tăng lên. Việt Nam dự kiến sẽ có mức tăng trưởng dân số thuộc tầng lớp trung lưu cao nhất trong khu vực, ở mức 19% CAGR trong giai đoạn 2020-2025. Con số này cao hơn nhiều so với mức 14% ghi nhận trong thập kỷ qua và cao hơn mức tăng bình quân dự kiến của toàn khu vực trong cùng giai đoạn 2020-2025 là 11%. Nhân khẩu học cũng là một trong những yếu tố thuận lợi tại thị trường Việt Nam. Với 90 triệu dân, Việt Nam đang đã thu hút các nhà bán lẻ với dân số tương đối trẻ - 70% ở độ tuổi từ 15 đến 64, hứa hẹn sẽ là động lực chính cho tăng trưởng thị trường mạnh mẽ⁴.

1.2.2. Yếu tố pháp luật

Điều kiện tiên quyết để bảo đảm quyền tự do hoạt động kinh tế của mọi người cạnh tranh là phải tuân thủ những qui định tối thiểu trong Cạnh tranh, vì không thể có một cuộc cạnh tranh vô giới hạn cho phép sử dụng bất cứ hình thức và phương tiện cạnh tranh nào. Ngoài việc bảo vệ sự lành mạnh của hoạt động cạnh tranh, bản thân Cạnh tranh tự do cũng phải được đảm bảo. Luật Cạnh tranh do đó phải bao gồm ít nhất hai bộ luật chính: (i) Luật chống Cạnh tranh lành mạnh: bảo vệ quyền tự do hoạt động kinh tế của mọi thành viên hoạt động trên thị trường và bảo vệ hoạt động cạnh tranh lành mạnh. Nó điều chỉnh, giải quyết hai cặp quan hệ hoạt động đối lập: lành mạnh – không lành mạnh; được phép – không được phép. Công cụ Pháp lý sử dụng trong Luật chống Cạnh tranh lành mạnh chủ yếu là Luật tư; (ii) Luật chống hạn chế Cạnh tranh (còn có tên là Luật chống độc quyền, etc.): bảo vệ Cạnh tranh tự do, bảo đảm khả năng hoạt động bình thường của Cạnh tranh mà đặc biệt là ngăn chặn việc loại trừ Cạnh tranh tự do một cách giả tạo, ngăn chặn loại bỏ quy luật hoạt động khách quan của thị trường do độc quyền hay do lạm dụng vị thế thống lĩnh. Công cụ pháp lý sử dụng trong Luật chống hạn chế Cạnh tranh chủ yếu là Luật công.

1.2.3. Yếu tố tổ chức bộ máy cơ quan quản lý

Cạnh tranh với tính cách là động lực phát triển. nội tại của nền kinh tế chỉ xuất hiện và tồn tại trong điều kiện của kinh tế thị trường vì kinh tế thị trường có những đặc trưng như: tự do, mỗi chủ thể kinh tế theo đuổi lợi ích của chính

⁴ Thiên Ân (2020), *Tiềm năng của thị trường bán lẻ Việt Nam*, Tạp chí Doanh nhân Việt Nam, số 1/2020, Hà Nội, tr.1-7

mình trong hoạt động kinh doanh, khách hàng là thượng đế, sản xuất và bán hàng theo nhu cầu của thị trường, cạnh tranh, tiền tệ hóa các quan hệ kinh tế. Trong quá trình cạnh tranh đó cùng sự giục giã tối đa hóa lợi nhuận sẽ tất yếu làm xuất hiện các hiện tượng tích tụ tập trung tư bản dẫn đến tập trung kinh tế với tác động hai chiều đến cạnh tranh tích cực và cả tiêu cực. Lúc này cần thiết phải có sự can thiệp nhất định từ cơ quan quản lý nhà nước để kiểm soát cạnh tranh nói chung và tập trung kinh tế nói riêng, mà hữu hiệu nhất là việc ban hành pháp luật về cạnh tranh. Lý luận và thực tiễn đã chỉ ra rằng: pháp luật và kinh tế có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau. Một mặt, pháp luật phụ thuộc vào kinh tế, mặt khác pháp luật lại có sự tác động trở lại một cách mạnh mẽ đối với kinh tế. Do vậy, khi các quốc gia xây dựng pháp luật về tập trung kinh tế phải căn cứ vào các điều kiện kinh tế - xã hội mới đảm bảo được hiệu quả thực thi của pháp luật và có tác dụng thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Tuy nhiên nền kinh tế thị trường Việt Nam có những điểm khác cơ bản so với nền kinh tế thị trường các nước khác: Đó là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Vì vậy khi xây dựng pháp luật về tập trung kinh tế của Việt Nam sẽ phải tính đến những đặc thù riêng về chính trị, kinh tế, xã hội cụ thể trong từng thời kỳ Xu hướng quốc tế hóa, toàn cầu hóa ngày càng tăng bên cạnh xu hướng khu vực hóa nền kinh tế.

1.2.4. Yếu tố ý thức pháp luật

Hình thức tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ vẫn còn ở mức độ đơn giản. Chủ yếu vẫn là các vụ thu tóm một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp và rất ít các loại ở mức độ cao hơn như hợp nhất, hình thức đòi hỏi trình độ quản lý và hợp tác cao. Ngoài ra, rất nhiều vụ M&A dưới hình thức đầu tư tài chính, mua cổ phần để trở thành đối tác chiến lược mà chưa nhắm đến thu tóm để khống chế sở hữu và điều hành công ty. Điều này một phần là do tỷ lệ sở hữu cổ phần bị khống chế đối với doanh nghiệp nước ngoài trong một số lĩnh vực (ngân hàng 30%, công ty niêm yết 49%). Xuất phát từ đặc điểm quy mô doanh nghiệp tuyệt đại đa số là nhỏ bé, các vụ giao dịch quy mô nhỏ và vừa vẫn chiếm đại đa số thì các vụ tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ chịu sự điều chỉnh của pháp luật cạnh tranh chưa nhiều.

1.3. Pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ

1.3.1 Sự cần thiết điều chỉnh bằng pháp luật đối với hoạt động kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ

Thứ nhất, điều chỉnh pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ nhằm đảm bảo thực hiện cạnh tranh lành mạnh trên thương trường giữa các doanh nghiệp.

Thứ hai, điều chỉnh pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ nhằm tìm cách phối hợp giải pháp chính vẫn là phối hợp giữa biện pháp can thiệp để duy trì cạnh tranh và khi độc quyền đã diễn ra, tìm cách giám sát để điều tiết, hạn chế việc lạm dụng vị thế độc quyền.

Thứ ba, tạo khung thể chế toàn diện mạnh mẽ Nhà nước có vai trò đảm bảo trật tự chung và chỉ nên can thiệp vào cạnh tranh một cách hạn chế. Để đảm bảo lợi ích của người tiêu dùng, các cơ quan kiểm soát độc quyền (trong đó có kiểm soát TTKT trên thị trường bán lẻ) nên xem xét ảnh hưởng của hành vi độc quyền dưới hai tiêu chí cơ bản: (i) đối với sự phân bổ có hiệu quả của mọi nguồn lực kinh tế; và (ii) đối với hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp - xét về chi phí giao dịch hoặc quy mô sản xuất.

Thứ tư, tạo khung thể chế điều chỉnh nhu cầu phát triển năng lực kinh doanh của thị trường. Dưới góc độ pháp lý, KSTTKT thị trường bán lẻ được các doanh nghiệp thực hiện dựa trên những nguyên tắc căn bản mà pháp luật đã thừa nhận, đó là: quyền tự do kinh doanh mà Hiến pháp và các văn bản pháp luật thừa nhận đã tạo ra chủ quyền cho doanh nghiệp trước Nhà nước và pháp luật. Chủ quyền của doanh nghiệp được thể hiện cơ bản ở hai nội dung: (i) Doanh nghiệp có quyền định đoạt các vấn đề phát sinh trong nội bộ như: quy mô kinh doanh, ngành nghề, kế hoạch và phương hướng kinh doanh, lao động,...; (ii) Doanh nghiệp có quyền tự do liên kết trong kinh doanh, theo đó quyền tự do khế ước bao gồm sự tự chủ trong việc liên kết đầu tư để mua doanh nghiệp khác hoặc liên minh góp vốn thành lập các chủ thể kinh doanh mới.

Thứ năm, tạo khung thể chế nhằm kiểm soát tập trung kinh tế được coi là con đường ngắn nhất để giải quyết nhu cầu tích tụ các nguồn lực thị trường của các nhà kinh doanh nhằm nâng cao năng lực kinh doanh và năng lực cạnh tranh thị trường bán lẻ cho các doanh nghiệp.

1.3.2. Nguyên tắc của điều chỉnh pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ

Thứ nhất, tạo lập môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa các chủ thể tham gia tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ.

+ Luật Thương mại năm 2005: Luật này điều chỉnh các giao dịch thương mại, trong đó các giao dịch sử dụng phổ biến trong hoạt động bán lẻ (mua bán, vận chuyển, bảo hiểm, quảng cáo...) Các VBPL liên quan tới hoạt động bán lẻ (Luật Thương mại, BLDS, các văn bản liên quan tới quy chuẩn/tiêu chuẩn hàng hóa...).

+ Bộ luật Dân sự năm 2015: Luật này điều chỉnh các vấn đề liên quan tới giao dịch dân sự (giao dịch tư) nói chung, bao gồm tất cả các vấn đề liên quan tới các giao dịch phổ biến trong hoạt động bán lẻ mà Luật Thương mại không điều chỉnh (đại diện, ủy quyền, tư cách pháp nhân, vi phạm hợp đồng, bồi thường thiệt hại...)

+ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006 (Sửa đổi, bổ sung năm 2018): Luật này quy định về các tiêu chuẩn, quy chuẩn đối với hàng hóa, dịch vụ, trong đó có các khía cạnh liên quan trực tiếp tới hoạt động bán lẻ (tiêu chuẩn/quy chuẩn đối với hàng hóa bán lẻ, tiêu chuẩn/quy chuẩn đối với cơ sở hạ tầng bán lẻ...)....

Thứ hai, tăng cường khả năng tiếp cận thị trường, nâng cao hiệu quả kinh tế, phúc lợi xã hội và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Tạo điều kiện để xã hội, người tiêu dùng tham gia quá trình giám sát việc thực hiện pháp luật về cạnh tranh đã quy định tương đối đầy đủ về cách thức kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ. Luật Cạnh tranh Việt Nam chỉ kiểm soát các hoạt động tập trung kinh tế nói chung và tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ nói riêng dựa trên tiêu chí duy nhất về mặt thị phần. Theo đó chia ra các mức kiểm soát như sau: Nếu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Cạnh tranh năm 2004 thì (i) Các hoạt động tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ được tự do thực hiện: Nếu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Cạnh tranh năm 2004, thì các trường hợp được tự do tiến hành các giao dịch tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ bao gồm: Thị phần kết hợp của các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế thấp hơn 30% thị trường liên quan; sau khi tập trung kinh tế, doanh nghiệp vẫn thuộc loại nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật; (ii) Các hoạt động tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ phải thông báo: Luật Cạnh tranh của đa số quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới đều quy định thủ tục thông báo tập trung kinh tế và mỗi quốc gia lại đưa ra cơ sở thông báo khác nhau tùy thuộc vào điều kiện của mỗi nước. Ở Việt Nam, khoản 1 Điều 20 Luật Cạnh tranh năm 2004 quy định: “Các doanh nghiệp tập trung kinh tế có thị phần kết hợp từ 30% đến 50% trên thị trường liên quan thì đại diện hợp pháp của các doanh nghiệp đó phải thông báo cho cơ quan quản lý cạnh tranh trước khi tiến hành tập trung kinh tế”; thì đến nay, Luật Cạnh tranh năm 2018 thông báo tập trung kinh tế: Các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế phải nộp hồ sơ thông báo tập trung kinh tế đến Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia theo quy định tại Điều 34 của Luật này trước khi tiến hành tập trung kinh tế nếu thuộc ngưỡng thông báo tập trung kinh tế (quy định hiện hành Luật 2004 là 30 - 50%) và được xác định từ các căn cứ: tổng tài

sản, tổng doanh thu, giá trị giao dịch, thị phần kết hợp (Điều 33). Đây chính là sự thay đổi về cách tiếp cận để hoàn thiện các quy định kiểm soát tập trung kinh tế. Cách tiếp cận tập trung kinh tế trong luật 2018 có sự thay đổi hết sức căn bản. Việc xem xét một giao dịch tập trung kinh tế sẽ căn cứ trên đánh giá tác động hoặc khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh của tập trung kinh tế và thẩm quyền đánh giá tác động này sẽ thuộc về cơ quan cạnh tranh.

1.3.3. Nội dung pháp luật điều chỉnh kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ ở Việt Nam

1.3.3.1. Về chủ thể tham gia tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ

Chủ thể thực hiện hành vi tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ là các doanh nghiệp kinh doanh ngành nghề phân phối, tiêu thụ sản phẩm (gọi chung là doanh nghiệp bán lẻ). Doanh nghiệp là chủ thể thực hiện hành vi tập trung kinh tế là quy định chung của cả Luật Doanh Nghiệp năm 2014 và Luật Cạnh tranh năm 2018. Tuy nhiên, cách hiểu về như thế nào là doanh nghiệp của hai luật này lại có sự vênh nhau đáng kể. Cụ thể, Khoản 1 Điều 2 Luật Cạnh tranh năm 2018 quy định đối tượng áp dụng là “tổ chức, cá nhân kinh doanh (sau đây gọi chung là doanh nghiệp)” là tổ chức, cá nhân kinh doanh (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) bao gồm cả doanh nghiệp sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, doanh nghiệp hoạt động trong các ngành, lĩnh vực thuộc độc quyền nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam. Như vậy, tất cả các chủ thể có hoạt động kinh doanh thường xuyên, độc lập trong thực tế, không phụ thuộc vào việc chủ thể có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hay không đều được coi là doanh nghiệp. Tuy nhiên, dưới góc độ pháp luật doanh nghiệp, khoản 7 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định: “Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản có trụ sở giao dịch, được đăng kí thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh”. Theo đó, đăng kí doanh nghiệp là điều kiện bắt buộc để trở thành chủ thể của tập trung kinh tế. Việc pháp luật cạnh tranh đã có quy định mở rộng hơn về chủ thể trong việc áp dụng Luật Cạnh tranh. Thực tế hiện nay, nhiều nhà đầu tư là cá nhân, lấy tư cách cá nhân tiến hành góp vốn, mua cổ phần vào các doanh nghiệp khác, có thể nắm quyền kiểm soát và chi phối nhiều doanh nghiệp cùng lúc, là chủ sở hữu của nhiều cơ sở kinh doanh trên cùng một thị trường liên quan.

1.3.3.2. Về cách thức kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ

Luật Cạnh tranh Việt Nam chỉ kiểm soát các hoạt động tập trung kinh tế nói chung và tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ nói riêng dựa trên tiêu chí duy nhất về mặt thị phần. Theo đó chia ra các mức kiểm soát như sau:

(i) Các hoạt động tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ được tự do thực hiện: Theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Cạnh tranh năm 2018, thì các trường hợp được tự do tiến hành các giao dịch tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ bao gồm: Thị phần kết hợp của các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế thấp hơn 30% thị trường liên quan; sau khi tập trung kinh tế, doanh nghiệp vẫn thuộc loại nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật.

(ii) Các hoạt động tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ phải thông báo: Luật Cạnh tranh của đa số quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới đều quy định thủ tục thông báo tập trung kinh tế và mỗi quốc gia lại đưa ra cơ sở thông báo khác nhau tùy thuộc vào điều kiện của mỗi nước. Ở Việt Nam, khoản 2 Điều 24 Luật Cạnh tranh năm 2018 quy định: “Các doanh nghiệp tập trung kinh tế có thị phần kết hợp từ 30% trên thị trường liên quan thì đại diện hợp pháp của các doanh nghiệp đó phải thông báo cho cơ quan quản lý cạnh tranh trước khi tiến hành tập trung kinh tế”. Như vậy, không phải vụ việc tập trung kinh tế nào trên thị trường bán lẻ cũng phải thông báo. Các doanh nghiệp bán lẻ chỉ phải làm thủ tục thông báo trong trường hợp thị phần kết hợp của các doanh nghiệp bán lẻ tham gia tập trung kinh tế từ 30% trên thị trường liên quan. Tuy nhiên, theo quy định pháp luật Việt Nam, thực hiện cơ chế tiền kiểm nên việc thông báo tập trung kinh tế phải bằng văn bản, chỉ thực hiện sau khi đã hoàn tất thủ tục thông báo và nhận được văn bản trả lời của cơ quan quản lý cạnh tranh.

(iii) Các hoạt động tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ bị cấm và quy định cho hưởng miễn trừ: Căn cứ vào tỉ lệ thị phần sau khi thực hiện tập trung kinh tế, Luật Cạnh tranh quy định “cấm tập trung kinh tế nếu thị phần kết hợp của các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế chiếm trên 50% trên thị trường liên quan”. Tuy nhiên, cần phải khẳng định không phải mọi trường hợp tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ, có thị phần kết hợp của các doanh nghiệp tham gia chiếm trên 50% trên thị trường liên quan đều bị cấm.

Luật Cạnh tranh năm 2018 đã quy định các trường hợp tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ bị cấm có thể được hưởng miễn trừ:

Trường hợp thứ nhất, một hoặc nhiều bên tham gia hoạt động tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ, đang trong nguy cơ bị giải thể hoặc lâm vào tình trạng phá sản. Đối với trường hợp này, Bộ trưởng Bộ Công thương sẽ xem xét ra quyết định hưởng miễn trừ bằng văn bản với trường hợp này.

Trường hợp thứ hai là hoạt động tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ, có tác dụng mở rộng xuất khẩu hoặc góp phần phát triển kinh tế - xã hội, tiến bộ kỹ

thuật, công nghệ. Trường hợp này, Thủ tướng Chính phủ xem xét ra quyết định bằng văn bản cho hưởng miễn trừ.

Có thể nhận thấy, pháp luật Việt Nam đã quy định khá chi tiết về các trường hợp cho hưởng miễn trừ trong tập trung kinh tế. Tuy nhiên, trên thực tế khi áp dụng những quy định này, cơ quan thực thi vẫn còn tỏ ra khá lúng túng khi xác định các doanh nghiệp có rơi vào trường hợp miễn trừ hay không.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT TẬP TRUNG KINH TẾ TRÊN THỊ TRƯỜNG BÁN LẺ VIỆT NAM

2.1. Pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ ở Việt Nam

2.1.1. Thực trạng quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan thực thi pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ Việt Nam

Hoàn thiện quy định về trình tự, thủ tục trong tố tụng cạnh tranh, các quy định về trình tự, thủ tục trong tố tụng cạnh tranh trong Luật đã được hoàn thiện theo hướng đơn giản hơn, rút ngắn thời gian và có sự phân định rõ các khâu trong quá trình giải quyết vụ việc cạnh tranh, từ phát hiện, điều tra cho đến xử lý và giải quyết khiếu nại. Trong mỗi khâu sẽ gắn với trách nhiệm cụ thể của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng cạnh tranh. Đồng thời, Luật quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Điều này bảo đảm các hoạt động tố tụng cạnh tranh được rõ ràng, minh bạch để mọi cá nhân, tổ chức, các doanh nghiệp và toàn xã hội có thể theo dõi, giám sát

2.1.2. Thực trạng quy định về công tác điều tra và xử lý vụ việc vi phạm trong kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ

Qua phân tích về thực trạng thực thi việc kiểm soát hoạt động tập trung kinh tế tại Việt Nam có thể nhận thấy như sau:

- Một trong những việc kiểm soát hoạt động tập trung kinh tế kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ tại Việt Nam, đó là việc số lượng các vụ việc tập trung kinh tế được thông báo tới Cục Quản lý cạnh tranh vẫn còn tương đối ít so với thực tế trên thị trường (chỉ có 9 vụ việc thực hiện việc tham vấn trong tổng số khoảng gần 285 vụ việc, đã được tiến hành trong năm 2019)⁵. Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên, trong đó nguyên nhân đầu tiên phải kể đến chính là do quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ thông báo đối với các giao dịch tập trung kinh tế. Việc quy định các giao dịch có thị phần kết hợp trên 30% (tính theo doanh thu) sẽ phải tiến hành thông báo đã cho thấy, rất nhiều bất cập trong quá trình thực thi. Hầu hết các DN tại Việt Nam sẽ không thể có số

⁵ Bộ Công thương (2019), *Báo cáo tập trung kinh tế tại Việt Nam: Hiện trạng và dự báo*, Hà Nội;tr.6

liệu chính xác về tổng doanh thu trên thị trường trong lĩnh vực mà DN đó đang hoạt động. Do đó, đa phần các doanh nghiệp khi nộp hồ sơ cho Cục Quản lý cạnh tranh, đều gặp khó khăn trong việc thu thập số liệu này⁶.

- Do tính chất của tất cả các vụ việc tập trung kinh tế có thể dẫn tới nguy cơ về các hành vi phản cạnh tranh sau khi được phép thực hiện hành vi diễn ra trong tương lai. Vì vậy, việc đánh giá một vụ việc tập trung kinh tế cần phải được xem xét hết sức cẩn trọng và dựa trên việc phân tích nhiều yếu tố.

- Quản lý các vụ việc tập trung kinh tế giữa các cơ quan nhà nước hiện nay đã bước đầu bài bản. Các cơ quan quản lý chuyên ngành và Cơ quan cạnh tranh đã bước đầu xây dựng được cơ chế phối hợp trong việc kiểm soát hoạt động tập trung kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ và trong từng lĩnh vực. Trong nhiều vụ việc, các cơ quan quản lý chuyên ngành, đã cho phép các DN thực hiện hoạt động sáp nhập và không tham vấn ý kiến của Cơ quan quản lý cạnh tranh.

- Việc phát triển hoạt động tập trung kinh tế trong thời gian gần đây cũng đã làm xuất hiện thêm nhiều vấn đề phức tạp về nguy cơ về các hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, hành vi vi phạm quy định cạnh tranh. Bên cạnh đó, với việc hàng loạt DN lớn giữ vai trò thống lĩnh trên thị trường sẽ được cổ phần hóa trong thời gian tới cũng đòi hỏi các cơ quan quản lý nhà nước cần có những biện pháp kịp thời và phù hợp, để hoạt động này không ảnh hưởng tới hoạt động cạnh tranh trên thị trường.

2.1.3. Một số hạn chế, bất cập trong việc áp dụng kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ

Thứ nhất, hệ thống thông tin chưa hoàn thiện.

Việc kiểm soát quá trình tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ cần phải thu thập tương đối nhiều thông tin tạo cơ sở quan trọng cho việc thụ lý và ra quyết định cần thiết của cơ quan quản lý cạnh tranh. Trong khi hệ thống thông tin của Việt Nam hiện nay còn rất yếu cả về số lượng cũng như chất lượng, đặc biệt là các thông tin liên quan đến hoạt động trên thị trường. Trên phương diện khác, một hệ thống thông tin chưa hoàn thiện khiến cho các doanh nghiệp đã thiếu kinh nghiệm càng mờ thông tin. Hiện nay, các doanh nghiệp vẫn chưa có nhiều thông tin, hiểu biết về các điều kiện, thủ tục giao dịch hoạt động tập trung kinh tế. Kết quả của quá trình hoạt động tập trung kinh tế thời gian qua chủ yếu là do sự tìm hiểu, đàm phán của các đối tác đơn lẻ với nhau. Đôi khi, chính vì

⁶ Bộ Công thương (2019), *Báo cáo tập trung kinh tế tại Việt Nam: Hiện trạng và dự báo*, Hà Nội; tr.6

thiếu thông tin, thiếu sự chuẩn bị cần thiết nên các doanh nghiệp có thể mắc phải những sai lầm không đáng có.

Thứ hai, về bộ máy quản lý nhà nước về tập trung kinh tế ở Việt Nam.

Luật cạnh tranh, cơ quan quản lý cạnh tranh có trách nhiệm kiểm soát quá trình tập trung kinh tế và thụ lý hồ sơ miễn trừ. Hiện nay cơ quan quản lý cạnh tranh (Cục quản lý cạnh tranh - Bộ công thương) được thành lập chưa được bao lâu nên chưa có nhiều kinh nghiệm cũng như thực tiễn công tác quản lý về tập trung kinh tế. Tuy nhiên, qua thực tiễn của các nước khác, có thể đề cập 2 khó khăn lớn nhất về mặt tổ chức và nhân sự mà cơ quan quản lý cạnh tranh sẽ phải đối mặt, đó là: Tính độc lập của cơ quan quản lý cạnh tranh có nguy cơ không được đảm bảo, dẫn đến hiện tượng những quyết định của cơ quan quản lý cạnh tranh chịu ảnh hưởng rất nhiều từ quan điểm của Bộ Công thương. Đội ngũ cán bộ của cơ quan quản lý cạnh tranh sẽ còn phải nâng cao hơn nữa về cả số lượng và chất lượng. Trong việc điều tra, thụ lý các sự việc, đội ngũ cán bộ không chỉ cần những kiến thức đơn thuần về luật, về kinh tế mà còn cần cả những kiến thức chuyên ngành khác, để phục vụ cho việc xác định thị trường liên quan hay vấn đề thẩm định pháp lý và thẩm định tài chính... Những việc này thường tốn thời gian, khả năng gây nhiều nhầm lẫn, đồng thời cũng làm nảy sinh nhiều mâu thuẫn sau đó.

Thứ ba, các trường hợp tập trung kinh tế (dưới hình thức sáp nhập, hợp nhất, mua lại, liên doanh).

Khi tập trung kinh tế gây ra hệ quả hạn chế cạnh tranh hoặc lạm dụng vị trí thống lĩnh trên thị trường. Cấm tập trung kinh tế nếu thị phần kết hợp của các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế chiếm tỷ lệ khó xác định % trên thị trường liên quan, trừ trường hợp qui định tại Điều 24 của Luật 2018 (các trường hợp miễn trừ) hoặc trường hợp doanh nghiệp sau khi tập trung kinh tế vẫn thuộc loại doanh nghiệp vừa và nhỏ theo qui định của pháp luật". Như vậy điều kiện chủ yếu để cấm tập trung kinh tế là khi thị phần tổng cộng của các hai bên tham gia chiếm trên 50% thị trường liên quan. Điều kiện này về cơ bản là phù hợp với các trường hợp tập trung kinh tế dưới dạng sáp nhập, hợp nhất hoặc mua lại (vì hệ quả của các hình thức này thường là sự cộng gộp thị phần của mỗi bên tham gia tập trung kinh tế). Tuy nhiên, điều kiện "cộng gộp thị phần của các bên liên quan" này có lẽ là không phù hợp với trường hợp liên doanh với lý do: sau khi thành lập liên doanh, về mặt nguyên tắc, thị phần của các bên tham gia liên doanh đều giảm. Kết quả của việc liên doanh là sự hình thành một doanh nghiệp mới, về nguyên tắc tổ chức doanh nghiệp này hoạt động độc lập với các bên đã

tham gia hình thành lên liên doanh. Điều kiện đơn thuần về thị phần tổng cộng của các bên tham gia liên doanh không phản ánh được nguy cơ tác động tiêu cực đến cạnh tranh sau khi có liên doanh (của cả các bên tham gia liên doanh lẫn doanh nghiệp mới hình thành). Do đó, điều kiện để cấm liên doanh trong Luật Cạnh tranh cần được xem xét lại. Điều kiện để cấm hành vi liên doanh, thay vì tập trung vào thị phần cộng gộp của các bên liên doanh, cần chú ý đến các vấn đề sau: Tác động tiêu cực của việc liên doanh đến cạnh tranh bình thường trên thị trường liên quan; và vị thế (thị phần) của các bên trên thị trường sau khi liên doanh.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT TẬP TRUNG KINH TẾ TRÊN THỊ TRƯỜNG BÁN LẺ

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ

Thứ nhất, về cơ chế, phải xác định các quy định của pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ được xây dựng trên nguyên tắc ưu tiên lợi thế cho chủ thể kinh doanh, đảm bảo quyền tự do kinh doanh lành mạnh, trung thực và phải đề cao trách nhiệm của nhà quản lý.

Thứ hai, về quản lý, xuất phát từ hoạt động quản lý cần hoàn thiện pháp luật điều chỉnh về kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ phải xuất phát từ tình hình phát triển, thực tiễn áp dụng của Việt Nam, đồng thời học hỏi kinh nghiệm, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của Quốc tế.

- *Về pháp luật,* hoàn thiện pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ phải đi kèm với việc nâng cao ý thức trách nhiệm và tuân thủ pháp luật của các doanh nghiệp. Một trong những biện pháp giúp các nhà quản lý kiểm soát tốt về thị trường bán lẻ thì không thể bỏ qua được việc trang bị những kinh nghiệm, kiến thức pháp luật cơ bản cho doanh nghiệp để doanh nghiệp có thể tự ý thức chấp hành tốt pháp luật. và như vậy cũng phần nào giảm bớt áp lực, gánh nặng cho các nhà quản lý.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật

Thứ nhất, Luật cạnh tranh được ban hành đã có thể nói là tương đối toàn diện, tuy nhiên ở góc độ chi tiết thì mới chỉ nêu ra được các quan điểm chung nhất về các hành vi cạnh tranh bị cấm và kiểm soát, đặc biệt về vấn đề lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền. Với hiện trạng nêu trên, điều cần làm đầu tiên là phải đẩy nhanh tiến độ soạn thảo các văn bản qui phạm pháp luật hướng dẫn Luật cạnh tranh, trong đó chú ý tới việc xây dựng các qui định nhận diện hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền được rõ ràng hơn. Quá trình soạn thảo các văn bản qui phạm pháp luật hướng dẫn Luật cạnh tranh 2018 không phải muốn là làm được ngay bởi còn phụ thuộc rất nhiều yếu tố. Việc thiếu kinh nghiệm thực tiễn là một vấn đề dễ dàng nhận thấy đầu tiên. Ngay cả ở phương diện nghiên cứu, học thuật, vấn đề lạm dụng quyền lực thị trường cũng còn rất

mới mẻ đối với chúng ta. Do vậy, ở giai đoạn trước mắt, cần tập trung vào việc soạn thảo Nghị định hướng dẫn Luật cạnh tranh 2018, các văn bản hướng dẫn khác ở cấp độ thấp hơn cần có lộ trình xây dựng hợp lý, không nhất thiết phải gấp rút ban hành bởi vì cần phải có thời gian để nhận thức và rút kinh nghiệm thực tế để đưa vào qui định, trên cơ sở đó các văn bản mới dễ dàng đi vào cuộc sống. Không những thế, việc này còn có tác dụng tránh những rủi ro quá lớn khi chính các qui định chi tiết được ban hành vội vã trở thành những vật cản đối với việc thực thi pháp luật cạnh tranh. Thậm chí nó còn có thể gây hại tới cạnh tranh nếu can thiệp quá mức vào quá trình kinh doanh của các doanh nghiệp, làm cho doanh nghiệp không thể chủ động trong kinh doanh.

Thứ hai, về phương pháp xây dựng qui định của các văn bản hướng dẫn. Phải có cách tiếp cận của pháp luật cạnh tranh là các qui định không bắt buộc phải thể hiện sự triệt để về mặt nội dung. Không nên cứng nhắc áp dụng phương pháp xây dựng các ngành luật truyền thống khác như hình sự, hành chính... bởi như vậy các qui định sẽ không thể bao quát được hiện tượng và sẽ không thể nào áp dụng được hiệu quả vào trong thực tiễn. Nói như vậy không có nghĩa là qui định nào cũng chung chung, nếu có những vấn đề nào đã chắc chắn thì vẫn cần có sự thể hiện rõ ràng hoặc nếu đó là quan điểm của nhà nước ta về chính sách cạnh tranh muốn như vậy. Đây là phương pháp xây dựng pháp luật cạnh tranh (những qui định nội dung) mà đa số các nước trên thế giới đã có pháp luật cạnh tranh áp dụng. Ngay cả Luật mẫu về cạnh tranh của tổ chức thương mại và phát triển Liên hợp quốc cũng thể hiện quan điểm này. Chỉ có các qui định hình thức (thủ tục, biện pháp xử lý hành vi vi phạm) của Luật cạnh tranh mới cần phải có sự cụ thể, rõ ràng và chi tiết. Với đặc điểm của Luật cạnh tranh nói chung và các qui định pháp luật về kiểm soát hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền nói riêng là tính không triệt để về mặt nội dung. Điều quan trọng nhất để thi hành luật cạnh tranh một cách có hiệu quả là vấn đề con người. Luật cạnh tranh trước hết do cơ quan quản lý cạnh tranh và một số cơ quan có thẩm quyền khác áp dụng, mà những hoạt động của các cơ quan này được thực hiện thông qua những con người cụ thể. Do vậy cần phải tăng cường kiến thức của họ về cạnh tranh và chính sách, pháp luật cạnh tranh cũng như phải quan tâm đến đạo đức của họ. Kiến thức là để phục vụ cho quá trình áp dụng pháp luật được chuẩn xác, phù hợp với những trường hợp thực tế cụ thể mà không bị máy móc phụ thuộc vào các qui định. Đạo đức rất cần để ngăn cản những lợi ích cá nhân xen vào công việc, bởi vì quá trình áp dụng pháp luật phụ thuộc rất nhiều vào cá nhân có thẩm quyền chứ không phải phụ thuộc nhiều vào những qui định nên sẽ

có rất nhiều đối tượng muốn lạm dụng đặc điểm này để bóp méo sự việc cạnh tranh được giải quyết.

Thứ ba, với xã hội nói chung và các đối tượng bị áp dụng các qui định pháp luật về lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền là các doanh nghiệp nói riêng. Cần phải phổ biến kiến thức về pháp luật cạnh tranh, pháp luật kiểm soát lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền một cách tích cực và có phương pháp để nâng cao nhận thức của họ, qua đó hạn chế đến mức thấp nhất sự vi phạm do không hiểu qui định hoặc có tác dụng ngăn chặn ngay từ đầu ý định vi phạm của những doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền. Hơn nữa, khi có kiến thức về các hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền, chính các doanh nghiệp sẽ chủ động trong việc đấu tranh với hành vi lạm dụng này để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Một phương pháp có lẽ rất hiệu quả trong việc phổ biến pháp luật là cơ quan quản lý cạnh tranh ban hành những bản hướng dẫn không mang tính pháp lý, trong đó phân tích cạnh tranh và các qui định của pháp luật cạnh tranh một cách rõ ràng và khoa học. Đối tượng hướng tới của bản hướng dẫn là tất cả mọi người, không loại trừ một ai. Đó có thể là người có thẩm quyền áp dụng Luật cạnh tranh như Thẩm phán, Điều tra viên của cơ quan quản lý cạnh tranh, hay người bị áp dụng như doanh nghiệp... ai cũng có thể tiếp cận dễ dàng để tham khảo.

Thứ tư, cần sửa đổi bổ sung Bộ luật dân sự, Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư và một số Nghị định hướng dẫn Luật cạnh tranh điều chỉnh hành vi tập trung kinh tế. Nghị quyết của Đại hội XII Đảng Cộng sản Việt Nam cũng đã ghi nhận cơ chế thị trường đòi hỏi phải hình thành một môi trường cạnh tranh lành mạnh, hợp pháp, văn minh. cạnh tranh vì lợi ích phát triển đất nước, chứ không phải làm phá sản hàng loạt, lãng phí nguồn lực, thôn tính lẫn nhau.

Thứ năm, cần quy định ngoài việc nâng cao kiến thức, đạo đức của người áp dụng pháp luật và nhận thức của doanh nghiệp bị áp dụng. Một công việc rất cần thiết là phải tiến hành rà soát các qui định pháp luật có liên quan để hỗ trợ và bổ sung cho việc thi hành pháp luật kiểm soát hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền được hiệu quả hơn. Trên cơ sở đó có biện pháp để sửa đổi, ban hành mới hay hủy bỏ những qui định không phù hợp. Ví dụ, liên quan trực tiếp đến qui định nội dung của hành vi lạm dụng là các qui định hình thức, là các thủ tục và biện pháp xử lý hành vi lạm dụng. Cần phải hoàn chỉnh các qui định hình thức này một cách kịp thời nếu không qui định kiểm soát hành vi lạm dụng sẽ bị khinh nhờn hoặc không có tính răn đe. Hoặc để tính toán thị phần của doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền thì pháp luật thuế và kế toán –

thống kê, kiểm toán mang tính quyết định. Các hệ thống pháp luật này như là biện pháp kỹ thuật giúp tính toán thị phần của doanh nghiệp được chính xác để không bỏ lọt doanh nghiệp vi phạm, nhưng cũng không làm oan doanh nghiệp làm ăn đứng đắn.

3.2.2. Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ ở Việt Nam

Thứ nhất, nâng cao năng lực của cơ quan quản lý cạnh tranh trong kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ. Cần tăng cường khả năng kiểm soát của Cục quản lý cạnh tranh - Cơ quan có chức năng kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ theo hướng cơ quan quản lý cạnh tranh cần được trao quyền chủ động khi thực thi dựa trên những nguyên tắc được pháp luật ghi nhận, bao gồm quyền tự chủ trong việc lựa chọn và sử dụng các phương tiện, công cụ kỹ thuật cho từng vụ việc; chủ động xây dựng quy trình cho việc kiểm soát tập trung kinh tế. Để việc kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ được chủ động và hiệu quả, cơ quan quản lý cạnh tranh nên có những nghiên cứu và dự đoán trước những thị trường, những lĩnh vực kinh tế có nguy cơ xảy ra hiện tượng tập trung kinh tế, thậm chí những doanh nghiệp có khả năng thực hiện hành vi thâm tóm thị trường bằng hình thức tập trung kinh tế.

Thứ hai, để việc kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ hiệu quả, cần xây dựng cơ chế phối hợp giữa cơ quan quản lý cạnh tranh, cơ quan đăng ký kinh doanh và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành. Việc kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ hiệu quả, cần xây dựng cơ chế phối hợp giữa cơ quan quản lý cạnh tranh đối với cộng đồng doanh nghiệp. Xây dựng cơ chế thực thi pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế, hiệu lực và sức mạnh của một đạo luật phụ thuộc vào khả năng tổ chức thực thi của Nhà nước và thái độ đón nhận của xã hội"

Thứ ba, về cơ chế kháng cáo quyết định của cơ quan quản lý cạnh tranh.

Việc giải quyết các vụ việc cạnh tranh đòi hỏi những người có chuyên môn giỏi về kinh tế và pháp lý, không phải tòa án nào cũng có thẩm phán giỏi để xem xét lại các quyết định của Hội đồng cạnh tranh. Vì vậy ở Việt Nam trong giai đoạn trước mắt nên trao thẩm quyền xét lại các khiếu nại của đương sự cho Tòa Kinh tế thuộc Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Nếu đương sự không đồng ý với quyết định của Tòa Kinh tế thì có thể tiếp tục khiếu nại lên Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, quyết định của Tòa này là chung thẩm. Tất nhiên vẫn có các thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.

Cân nhắc hài hòa với quan điểm, tạo cơ chế lựa chọn linh hoạt như: vì quyết định của Hội đồng cạnh tranh là quyết định hành chính nên về nguyên tắc, doanh nghiệp vẫn có thể khiếu nại về quyết định đó lên Tòa hành chính. Và như vậy, đội ngũ thẩm phán ở Tòa hành chính phải được đào tạo kỹ càng các kiến thức kinh tế, pháp lý liên quan đến việc xem xét, giải quyết vụ việc tập trung kinh tế vì "Chừng nào Tòa hành chính còn chưa đủ mạnh thì chừng đó vẫn còn có thể xuất hiện nguy cơ lợi ích của doanh nghiệp bị xâm hại do một quyết định hành chính không khách quan".

Kết luận chương 3

Từ yêu cầu của thực tiễn nền kinh tế Việt Nam trong xu thế hội nhập, trên cơ sở phân tích, tham khảo kinh nghiệm một số nước về kiểm soát tập trung kinh tế, luận văn đã đưa ra các yêu cầu xây dựng, hoàn thiện phương hướng và một số giải pháp đề hoàn thiện pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ ở Việt Nam phương hướng và một số giải pháp đề hoàn thiện pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ ở Việt Nam là: Hoàn thiện các quy định pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế; tổ chức bộ máy quản lý nhà nước kiểm soát tập trung kinh tế và xây dựng cơ chế thực thi pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế.

Tập trung kinh tế và kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ là một vấn đề phức tạp, có ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến nền kinh tế. Luận văn này mới chỉ dừng lại ở những bước phác thảo đầu tiên dưới góc độ pháp lý về kiểm soát tập trung kinh tế. Chắc chắn nó sẽ đòi hỏi sự đầu tư nghiên cứu ở quy mô rộng, chuyên sâu đồng thời có sự phối hợp, hợp tác chặt chẽ giữa các nhà khoa học thuộc các chuyên ngành khác nhau cùng giới doanh nhân để kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ một cách hữu hiệu nhất.

Luật cạnh tranh được ban hành đã có thể nói là tương đối toàn diện, tuy nhiên ở góc độ chi tiết thì mới chỉ nêu ra được các quan điểm chung nhất về các hành vi cạnh tranh bị cấm và kiểm soát, đặc biệt về vấn đề lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền. Với hiện trạng nêu trên, điều cần làm đầu tiên là phải đẩy nhanh tiến độ soạn thảo các văn bản qui phạm pháp luật hướng dẫn Luật cạnh tranh, trong đó chú ý tới việc xây dựng các qui định nhận diện hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền được rõ ràng hơn.

Phải có cách tiếp cận của pháp luật cạnh tranh là các qui định không bắt buộc phải thể hiện sự triệt để về mặt nội dung. Không nên cứng nhắc áp dụng phương pháp xây dựng các ngành luật truyền thống khác như hình sự, hành chính... bởi như vậy các qui định sẽ không thể bao quát được hiện tượng và sẽ không thể nào áp dụng được hiệu quả vào trong thực tiễn. Nói như vậy không có nghĩa là qui định nào cũng chung chung, nếu có những vấn đề nào đã chắc chắn thì vẫn cần có sự thể hiện rõ ràng hoặc nếu đó là quan điểm của nhà nước ta về chính sách cạnh tranh muốn như vậy.

Cần phải phổ biến kiến thức về pháp luật cạnh tranh, pháp luật kiểm soát lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền một cách tích cực và có phương pháp để nâng cao nhận thức của họ, qua đó hạn chế đến mức thấp nhất sự vi phạm do không hiểu qui định hoặc có tác dụng ngăn chặn ngay từ đầu ý định vi phạm của những doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền.

Cần sửa đổi bổ sung Bộ luật dân sự, Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư và một số Nghị định hướng dẫn Luật cạnh tranh điều chỉnh hành vi tập trung kinh tế. Nghị quyết của Đại hội XII Đảng Cộng sản Việt Nam cũng đã ghi nhận cơ chế thị trường đòi hỏi phải hình thành một môi trường cạnh tranh lành mạnh, hợp pháp, văn minh. cạnh tranh vì lợi ích phát triển đất nước, chứ không phải làm phá sản hàng loạt, lãng phí nguồn lực, thôn tính lẫn nhau.

KẾT LUẬN

Luận văn đã thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Nêu và phân tích các khái niệm cơ bản của kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ; phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn của quy định pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ theo pháp luật Việt Nam hiện nay; đánh giá thực trạng pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ ở Việt Nam và hệ thống pháp luật có liên quan ở Việt Nam hiện nay. Phân tích thực tiễn áp dụng pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ hiện nay từ đó chỉ ra những bất cập, hạn chế trong các quy định của pháp luật và đưa ra các giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện về kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ hiện nay.

- Để nhận diện được hành vi lạm dụng quyền lực thị trường, thông thường phải thông qua một số tiêu chí cơ bản như thị trường liên quan (là nơi diễn ra các hành vi lạm dụng), chủ thể của hành vi lạm dụng (là các doanh nghiệp tham gia kinh doanh), thước đo mức độ quyền lực thị trường của doanh nghiệp (thị phần, rào cản gia nhập thị trường và một số yếu tố khác) và đặc biệt là qua các dạng hành vi lạm dụng quyền lực thị trường như bán phá giá, ấn định giá bán lại... Tuy nhiên như vậy không có nghĩa là có thể tin tưởng rằng việc nhận diện đã được chính xác. Không thể có một công thức chung nào có tính chính xác cao trong việc nhận diện hành vi lạm dụng quyền lực thị trường mà phải tùy trường hợp cụ thể để đánh giá. Luật cạnh tranh Việt Nam được ban hành có mục đích trực tiếp là bảo vệ môi trường cạnh tranh, chống lại các hành vi vi phạm, trong đó có hành vi lạm dụng quyền lực thị trường. Nhưng do Luật cạnh tranh mới được ban hành, đồng thời kinh nghiệm của Việt Nam trong lĩnh vực kiểm soát hành vi hạn chế cạnh tranh nói chung và lạm dụng quyền lực thị trường nói riêng hầu như đi từ con số không, nên để có được một hệ thống pháp luật cạnh tranh hoàn chỉnh, hiệu lực thi hành cao đòi hỏi rất nhiều cố gắng hơn nữa của Nhà nước ta cũng như của toàn xã hội.